TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2024/DS-PT
Ngày 03-4-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đê

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Long

Bà Ngô Thị Kim Châu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Chí Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 101/2023/TLPT-DS, ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án sơ thẩm số 36/2022/DS-ST, ngày 25-8-2022 của Tòa án nhân dân huyện D bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 149/2023/QĐ-PT, ngày 06 tháng 11 năm 2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2024/QĐ-PT, ngày 03 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Cẩm B, sinh năm 1982; cư trú tại ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Phan Thị C, sinh năm 1976; cư trú tại ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Chị Phan Thị C là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 5 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm B trình bày: Trong năm 2019, chị có cho chị Phan Thị C mượn tiền 06 lần, tổng cộng bằng 82.000.000 đồng (Tám mươi hai triệu đồng), cụ thể:

- Lần thứ Nhất: Ngày 05/3/2019, số tiền bằng 20.000.000 đồng.
- Lần thứ Hai: Ngày 30/3/2019, số tiền bằng 17.000.000 đồng.
- Lần thứ Ba: Ngày 30/4/2019, số tiền bằng 15.000.000 đồng.
- Lần thứ Tư: Ngày 30/5/2019, số tiền bằng 10.000.000 đồng.

- Lần thứ Năm: Ngày 30/6/2019, số tiền bằng 10.000.000 đồng.

- Lần thứ Sáu: Ngày 30/7/2019, số tiền bằng 10.000.000 đồng.

Nhưng đến đã gần 03 năm, chị C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị nên chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị C có nghĩa vụ trả cho chị số tiền bằng 82.000.000 đồng (T mươi hai triệu đồng), không yêu cầu trả tiền lãi.

Theo bị đơn chị Phan Thị C trình bày: Chị thừa nhận có viết biên nhận mượn tiền của chị B 06 (Sáu) lần, số tiền từng lần như chị B trình bày là đúng. Nhưng chị B không có giao tiền cho chị, số tiền đó là tiền góp hụi mà chị còn nợ chị B. Do đó, chị không đồng ý trả cho chị B số tiền bằng 82.000.000 đồng (T mươi hai triệu đồng), như chị B khởi kiện.

Tại bản án sơ thẩm số 36/2022/DS-ST, ngày 25-8-2022 của Tòa án nhân dân huyện D đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm B.

1. Buộc chị Phan Thị C có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Cẩm B số tiền bằng 82.000.000 đồng (T mươi hai triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu lãi suất do chậm thi hành án dân sự, về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, chị Phan Thị C làm đơn kháng cáo không đồng ý trả cho chị Nguyễn Thị Cẩm B số tiền bằng 82.000.000 đồng (T mươi hai triệu đồng). Đồng thời, yêu cầu Tòa án phúc thẩm xét xử buộc chị Nguyễn Thị Cẩm B phải trả cho chị C số tiền bằng 51.150.000 đồng (Năm mươi mốt triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự, đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Khi làm đơn khởi kiện, chị B cung cấp tài liệu, chứng cứ kèm theo là 06 (Sáu) tờ biên nhận mượn tiền với tổng số tiền bằng 82.000.000 đồng (T mươi hai triệu đồng). Chị C thừa nhận, chữ ký và chữ viết trong 06 (Sáu) tờ biên nhận do chị B cung cấp cho Tòa án sơ thẩm là chữ viết và chữ ký của chị C. Cho nên, Tòa án sơ thẩm xét xử buộc chị C có nghĩa vụ trả cho chị B số tiền bằng 82.000.000 đồng (T mươi hai triệu đồng), là có cơ sở. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Qua các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Khi làm đơn khởi kiện, chị Nguyễn Thị Cẩm B nộp kèm theo tài liệu, chứng cứ 06 (Sáu) tờ giấy, thể hiện chị Phan Thị C có mượn tiền của chị B 06 (Sáu) lần, tổng cộng số tiền bằng 82.000.000 đồng (T mươi hai triệu đồng) (BL 21, 22, 23, 24, 25, 26). Tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, chị C thừa nhận chữ viết và chữ ký trong 06 (Sáu) tờ giấy do chị B cung cấp cho Tòa án sơ thẩm, là chữ ký và chữ viết của chị C. Tuy nhiên, chị C cho rằng, thực tế chị B không giao tiền cho chị C, mà do trước đó chị C thiếu nợ chị M và chị M thiếu nợ chị B nên giữa chị C, chị B và chị M cùng thỏa thuận để chị C trả tiền cho chị B hằng tháng theo hình thức góp tiền hụi. Do chị C không có tiền góp cho chị B đúng như thỏa thuận, nên chị B kêu chị C viết biên nhận có mượn tiền của chị B.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, chị B cũng thừa nhận, chị B không có giao số tiền 82.000.000 đồng (T mươi hai triệu đồng) cho chị C. Đồng thời, chị B còn khai, số tiền này do chị C thiếu nợ tiền góp hụi của chị M, dây hụi 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), nên chị B lấy tiền của chị B đưa cho chị M và yêu cầu chị C viết biên nhận mượn tiền của chị B. Chị B không có mở dây hụi 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), chỉ mở dây hụi 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và số tiền chị C còn thiếu nợ chị B dây hụi 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), chị B đã khởi kiện chị C một vụ án khác, đã được Tòa án giải quyết bằng bản án số 01/2024/DS-PT, ngày 03-01-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã xét xử phúc thẩm buộc chị C có nghĩa vụ trả tiếp cho chị B bằng 96.000.000 đồng (Chín mươi sáu triệu đồng). Không liên quan đến số tiền 82.000.000 đồng (T mươi hai triệu đồng) mà chị B khởi kiện chị C trong vụ án này.

[3] Xét thấy, khi làm đơn khởi kiện thì chị B cho rằng, chị B cho chị C vay tiền 06 (Sáu) lần bằng 82.000.000 đồng (T mươi hai triệu đồng). Tại phiên tòa phúc thẩm chị B cho rằng, chị B không có giao số tiền 82.000.000 đồng (T mươi hai triệu đồng) cho chị C như nội dung 06 (Sáu) tờ giấy mà chị B đã cung cấp cho Tòa án sơ thẩm, số tiền này là do chị B lấy tiền của chị B đưa cho chị M. Như vậy, lời khai của chị B tại phiên tòa phúc thẩm hoàn toàn mâu thuẫn với nội dung đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ của chị B nộp cho Tòa án sơ thẩm.

[4] Sau khi Tòa án phúc thẩm tạm ngừng phiên tòa và tiến hành xác minh từ chị M, chị M trình bày *"Trước đây chị M thiếu nợ chị B, chị C thì thiếu nợ chị M nên giữa chị M, chị B và chị C thỏa thuận miệng với nội dung là chị B tham gia 01 dây hụi 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và mở 01 dây hụi 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), dây hụi không có đầu thảo, để chị C mỗi tháng đóng tiền cho chị B bằng 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), trả tiền nợ dần dần cho chị M. Sau đó, chị B hốt chân hụi 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) được số tiền bằng 125.500.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu năm trăm đồng), chị B có đem cho chị M nhưng chị M đưa lại cho chị B để trừ nợ. Còn dây hụi 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), thực tế không có hốt và chị B không có giao cho chị M mà dùng để trừ vào số tiền chị M còn nợ chị B..."* (BL 100). Như vậy, chị M không thừa nhận việc chị B đưa

cho chị M số tiền bằng 82.000.000 đồng (T mươi hai triệu đồng) như chị B khai. Mặt khác, chị B không cung cấp được tài liệu, giấy tờ để chứng minh có sự thỏa thuận giữa chị B, chị C và chị M về việc chị B lấy số tiền 82.000.000 đồng (Tám mươi hai triệu đồng) đưa cho chị M thay cho chị C. Cho nên, trong trường hợp chị B có căn cứ để chứng minh chị B đưa cho chị M số tiền bằng 82.000.000 đồng (T mươi hai triệu đồng) thì chị B có quyền làm đơn khởi kiện chị M một vụ án dân sự khác tại Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền để đòi lại số tiền này.

[5] Xét thấy, Tòa án sơ thẩm chỉ căn cứ vào các biên nhận mượn tiền do chị B cung cấp và sự thừa nhận của chị C về chữ viết, chữ ký của chị C trong 06 (Sáu) biên nhận do chị B cung cấp, làm căn cứ xét xử buộc chị C có nghĩa vụ trả tiền cho chị B bằng 82.000.000 đồng (T mươi hai triệu đồng), là không đúng bản chất vụ việc như chị B khai tại phiên tòa phúc thẩm. Do đó, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị C, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B về việc đòi chị C trả cho chị B số tiền bằng 82.000.000 đồng (T mươi hai triệu đồng).

[6] Ngoài ra, chị C còn kháng cáo cho rằng, sau khi thỏa thuận trả tiền góp hằng tháng cho chị B thì chị C đã trả cho chị B số tiền bằng 51.150.000 đồng (Năm mươi mốt triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Tuy nhiên, chị C không có đơn yêu cầu phản tố trong vụ án này và số tiền đó đã được Tòa án xét xử bằng bản án số 01/2024/DS-PT, ngày 03-01-2024, bản án đã có hiệu lực pháp luật. Do đó, không chấp nhận nội dung kháng cáo này của chị C.

[7] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị C, giữ nguyên bản án sơ thẩm, là không phù hợp với ý kiến trình bày tranh tụng của chị B và chị C tại phiên tòa phúc thẩm. Các tờ biên nhận do chị B cung cấp cho Tòa án sơ thẩm không phải căn cứ để xét xử buộc chị C có nghĩa vụ trả nợ cho chị B. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên.

[8] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của chị C được Tòa án phúc thẩm chấp nhận và Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên chị C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho chị C bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0009571, ngày 15/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Trà Vinh. Án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại theo hướng buộc chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với tỷ lệ 5% trên tổng số tiền chị B yêu cầu chị C trả nợ cho chị B không được Tòa án phúc thẩm chấp nhận bằng 4.100.000 đồng (82.000.000 đồng x 5% = 4.100.000 đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị B đã nộp bằng 2.050.000 đồng (Hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng), theo biên lai thu số 0009518, ngày 07/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Trà Vinh. Như vậy, án phí dân sự sơ thẩm chị B còn phải nộp tiếp bằng 2.050.000 đồng (Hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị Phan Thị C.

Sửa bản án sơ thẩm số 36/2022/DS-ST, ngày 25-8-2022 của Tòa án nhân dân huyện D.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm B về việc yêu cầu chị Phan Thị C có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Cẩm B số tiền bằng 82.000.000 đồng (T mươi hai triệu đồng).

2. Trường hợp chị Nguyễn Thị Cẩm B có căn cứ để chứng minh chị Nguyễn Thị Cẩm B đưa cho chị Trần Thị M số tiền bằng 82.000.000 đồng (T mươi hai triệu đồng) thì chị Nguyễn Thị Cẩm B có quyền làm đơn khởi kiện chị Trần Thị M vụ án dân sự khác tại Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền để đòi lại số tiền này.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Cẩm B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm bằng 4.100.000 đồng (Bốn triệu một trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị Cẩm B đã nộp bằng 2.050.000 đồng (Hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng), theo biên lai thu số 0009518, ngày 07/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Trà Vinh. Án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị Cẩm B phải nộp tiếp bằng 2.050.000 đồng (Hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho chị Phan Thị C bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0009571, ngày 15/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Ngô Đê